TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/DSPT
Ngày: 26-02-2020
V/v: "Đòi lại tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thanh

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo - Thư ký TAND tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định: Bà Võ Thị Lệ Giang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2019/TLPT- DS ngày 19/12/2019 về "Đòi lại tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 04/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2019/QĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị N, sinh năm 1980, có mặt

Cư trú tại: Làng H, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Anh Lê Văn K, sinh năm 1983, có mặt

Cư trú tại: Làng H, xã C, huyện V, Bình Định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984, có mặt

Cư trú tại: Làng H, xã C, huyện V, Bình Định.

2. Anh Lê Văn Ố, sinh năm 1986, có mặt

3. Anh Lê Văn K, sinh năm 2000, có mặt

4. Chị Lê Thị D, sinh năm 1980, có mặt

5. Anh Lê Văn H, sinh năm 1972, có mặt

6. Chị Lê Thị L, sinh năm 2003, có mặt

Người đại diện hợp pháp cho chị L: Bà Đinh Thị N

Cùng trú tại: Làng H, xã C, huyện V, Bình Định.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Lê Văn K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/4/2019, biên bản lấy lời khai ngày 16/4/2019, tại biên bản hòa giải ngày 13/5/2019, ngày 15/8/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn – chị Đinh Thị N trình bày:

Nguyên phần đất tranh chấp có nguồn gốc trước đây là đất của cha chồng chị là ông Lê Văn H (đã chết) ở Làng H, xã C, huyện V, Bình Định khai hoang nhưng chị không biết vào năm nào. Ông H sử dụng được một thời gian thì bỏ hoang nên cây tự nhiên mọc lại thành rừng. Năm 2005, vợ chồng chị vào khu đất đó khai hoang được 03 đám đất để trồng keo. Năm 2008, chồng chị là anh Lê Văn C chết, ông H đã lấy lại 01 đám keo và yêu cầu chị bán cây keo non trên đám đất thứ 2 để trả lại đất cho ông H, nếu chị không trả đất thì ông H chặt tất cả các cây keo non trên đất. Do ông H gây áp lực nên buộc chị phải bán cây keo trên đất để trả lại đất cho ông H và ông H đã bán đám đất đó cho người đã mua cây keo non của chị. Năm 2010, chị bán cây keo trên đám đất còn lại được số tiền là 60.000.000đ. Sau khi bán cây keo xong, ông H tiếp tục yêu cầu chị bán đất để chia tiền cho ông, chị có thỏa thuận với ông H mua lại phần đất trên và trả cho ông H 20.000.000đ. Khi mua đất vì là tình cảm cha con trong nhà nên chỉ thỏa thuận miệng, không lập giấy tờ hợp đồng chuyển nhượng, nhưng khi giao tiền mua đất có sự chứng kiến của anh Lê Văn K và anh Lê Văn H, lúc đó anh K và anh H cũng đồng ý và không có tranh chấp gì. Sau khi mua lại đất của cha chồng, chị tiếp tục trồng cây keo trên đất, đến năm 2014 chị được Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU443545, cấp ngày 27/12/2014. Năm 2018, ông H chết, cùng năm đó chị khai thác cây keo trên đất và trồng lại cây keo giống thì anh Lê Văn K đến tranh chấp và nhổ bỏ toàn bộ 5.000 cây keo chị đã trồng, vì anh K cho rằng phần diện tích đất chị trồng keo là của ông H (cha anh K) nên anh K được quyền sử dụng. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh K phải trả lại cho chị phần diện tích đất mà anh K lấn chiếm và bồi thường cho chị 5.000 cây keo giống tương đương giá trị là 2.500.000đ, tiền thuê xe chở keo giống đi trồng là 300.000đ và tiền công trồng keo là 6.200.000đ. Tổng cộng là 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/4/2019, biên bản hòa giải ngày 13/5/2019, ngày 15/8/2019 và trong quá trình xét xử, bị đơn – Anh Lê Văn K trình bày:

Phần diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc là đất của cha anh là ông Lê Văn H khai hoang mà có nhưng anh không biết năm nào, diện tích khoảng 1,3ha. Phần đất này ông H chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2005, cha anh có cho vợ chồng anh ruột là Lê Văn C và Đinh Thị N trồng keo, năm 2007 anh C chết. Năm 2011, chị N khai thác cây keo thì cha anh cho chị N và anh Lê Văn Ố (chồng sau của chị N và là anh cùng cha khác mẹ với anh C và anh K) thuê đất để tiếp tục trồng keo, thời hạn thuê từ năm 2011 đến 2016, số tiền thuê đất là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận bằng miệng, không có giấy tờ gì chứng minh nhưng việc cha anh cho chị N, anh Ố thuê đất có anh cùng với vợ là Nguyễn Thị L và anh Lê Văn H chứng kiến.

Trong thời gian chị N và anh Ố thuê đất trồng keo, chị N đã tự ý làm thủ tục và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị N vào năm 2014. Việc chị N được cấp GCNQSD đất anh và cha anh đều không ai hay biết. Khi hết hạn thuê đất, anh Ố và chị N không chịu khai thác cây keo để trả lại đất, vì nghĩ chỗ tình cảm cha con nên cha anh vẫn để cho chị N và anh Ố sử dụng đất, đến năm 2018 cha anh chết, cùng năm 2018 anh Ố và chị N khai thác cây keo trên đất, sau đó chị N tự ý trồng lại cây keo con trên đất.

Vì anh là con ruột của ông H, trong khi chị N chỉ là con dâu, nay cả cha anh và anh ruột là Lê Văn C đều đã chết, anh là con ruột nên anh có quyền sử dụng phần diện tích đất trên. Anh không chấp nhận trả lại đất cho chị N. Trước khi chị N trồng keo, anh đã yêu cầu chị N không được trồng cây, chờ Ban quản lý làng giải quyết xong rồi mới được trồng nhưng chị N không chịu nghe mà tự ý trồng cây. Việc chị N tự ý trồng cây là sai nên anh không chấp nhận bồi thường.

Tại biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị thống nhất với nội dung chồng chị là anh Lê Văn K đã trình bày. Khi anh K đi nhổ cây keo của chị N, chị có đi cùng với anh K. Chị đề nghị Tòa giải quyết buộc chị N phải trả lại đất cho vợ chồng chị canh tác, không chấp nhận bồi thường thiệt hại cho chị N, anh Ố số cây keo anh K đã nhổ bỏ vì lý do số cây keo đó chị N trồng trên đất của cha chồng chị.

- Anh Lê Văn H trình bày: Anh là anh ruột của Lê Văn K. Anh H thống nhất với nội dung anh K đã trình bày trên về nguồn gốc đất. Năm 2011, cha anh có cho chị N thuê đất và giao tiền thuê đất có sự chứng kiến của anh. Đến năm 2018 cha anh chết, cùng năm đó chị N khai thác cây keo trên đất và trồng lại cây keo giống thì giữa chị N và em trai là Lê Văn K xảy ra tranh chấp. Lúc cha anh còn sống, cha anh có nói sau này ông ở với con là Lê Văn K thì ông cho đất đó cho Lê Văn K được quyền sử dụng để nuôi dưỡng ông. Nay cha anh đã chết nên Lê Văn K được quyền sử dụng diện tích đất đó, anh không có tranh chấp gì với Lê Văn K. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị N trả lại diện tích đất trên cho Lê Văn K được quyền sử dụng theo như di nguyện của cha anh lúc còn sống.

- ***Chị Lê Thị D trình bày:*** Chị là con ruột ông Lê Văn H và chị ruột của Lê Văn K. Chị thống nhất với nội dung anh K trình bày về nguồn gốc đất. Khi cha chị còn sống, chị có nghe cha nói là cho đất cho vợ chồng anh ruột là Lê Văn C và Đinh Thị N trồng keo. Sau đó chị có nghe cha chị nói lại là tiếp tục cho chị N và anh Lê Văn Ố (chồng sau của chị N) thuê đất để trồng keo, thuê đất bằng miệng, không có giấy tờ gì. Chị có phản đối việc cha chị cho chị N thuê đất nhưng cha chị nói là cho chị N thuê đất để lấy tiền nuôi hai con của chị N và anh C ăn học. Thời hạn thuê là 05 năm (từ năm 2011 đến 2016), số tiền thuê đất là 20.000.000đ, nhưng chị N trồng keo bao nhiêu năm thì chị không rõ vì chị thường đi làm rẫy không có ở nhà. Trong thời gian chị N và anh Ố thuê đất trồng keo, chị N đã tự ý làm thủ tục và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị N. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao phần diện tích đất trên cho Lê Văn K được quyền sử dụng theo như yêu cầu của Lê Văn K.

- ***Anh Lê Văn Ố trình bày*****:** Anh sống chung như vợ chồng với chị Đinh Thị N nhưng chưa đăng ký kết hôn. Anh thống nhất với nội dung chị N trình bày trên về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, không có ý kiến gì bổ sung. Phần diện tích đất trên nhà nước cấp cho hộ chị N, anh không thuộc đối tượng được cấp diện tích đất trên nên anh không có ý kiến gì. Việc chị N giải quyết tranh chấp như thế nào là do chị N quyết định, anh không có liên quan. Riêng cây keo trồng trên đất là do anh và chị N góp tiền mua giống trồng nên yêu cầu Tòa giải quyết buộc anh K bồi thường thiệt hại cho anh và chị N giá trị cây keo bị nhổ bỏ là 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

- ***Anh Lê Văn K trình bày***: Anh K là con ruột của Đinh Thị N. Nguồn gốc diện tích đất trên có từ thời ông nội anh là Lê Văn H, việc mua bán hay tặng cho giữa các bên vào thời điểm đó anh còn nhỏ nên anh không biết cụ thể như thế nào. Anh có nghe mẹ anh nói là đất đó gia đình anh được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2014, nên anh không chấp nhận trả lại đất cho ông K, còn cây keo trên đất tranh chấp là do mẹ anh và ông Ố bỏ tiền mua keo giống để trồng, lúc đó anh đã có vợ và ở riêng nên không có liên quan gì đến số cây keo trên.

- ***Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/9/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị L trình bày:*** Chị là con gái ruột của Đinh Thị N, chị thống nhất với yêu cầu khởi kiện của mẹ chị về việc yêu cầu ông Lê Văn K phải trả cho gia đình chị diện tích 13.098m^2 đất mà ông K đã lấn chiếm. Riêng phần yêu cầu bồi thường thiệt hại về cây keo là 9.000.000đ thì chị không có ý kiến gì vì số cây keo trên do mẹ chị trồng, không liên quan đến chị.

Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 04/11/2019 của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 và khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147, 165, 166 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 163, 166, 170, 186, 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100, 166 Luật Đất đai năm 2013, khoản

02 Điều 26; khoản 01 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị N.

- Buộc vợ chồng anh Lê Văn K, chị Nguyễn Thị L phải trả lại cho hộ chị Đinh Thị N 13.098m^2 đất thuộc thửa số 9, tờ bản đồ số TĐ01-2014, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU443545, cấp ngày 27/12/2014, tọa lạc tại thôn (làng) H, xã C, huyện V, Bình Định (Có bản đồ địa chính và công trình xây dựng trích đo diện tích đất kèm theo).

- Buộc vợ chồng anh Lê Văn K, chị Nguyễn Thị L phải bồi thường thiệt hại cho chị Đinh Thị N và anh Lê Văn Ố số tiền là 9.000.000đ (Chín triệu đồng)

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí định giá tài sản; Quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/11/2019, bị đơn anh Lê Văn K kháng cáo không đồng ý quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng khác cũng như các bên đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo hợp lệ, thủ tục kháng cáo đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của anh Lê Văn K. Sửa phần án phí do anh K thuộc hộ nghèo nên được miễn nộp án phí sơ thẩm, phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn anh Lê Văn K trong hạn luật định, hình thức và nội dung đơn đúng quy định, anh K đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ.

[2] Tại phiên tòa, anh K vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo không đồng ý quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

[2.1] Xét kháng cáo của bị đơn anh Lê Văn K cho rằng diện tích đất đang tranh chấp là của ông Lê Văn H nên anh không đồng ý trả lại cho hộ chị Đinh Thị N và anh không đồng ý bồi thường thiệt hại do hành vi nhổ 5.000 cây keo giống chị N đã trồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là 13.098m^2 tọa lạc tại làng H, xã C, huyện V, Bình Định trước đây là của ông Lê Văn H khai hoang nhưng chưa được Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông H sử

dụng diện tích đất tranh chấp một thời gian thì bỏ hoang nên cây tự nhiên mọc lại thành rừng. Năm 2005, chị Đinh Thị N và anh Lê Văn C (anh C là con ruột của ông H) được ông H cho phép vào phát dọn, khai hoang để trồng keo. Năm 2008, anh C chết. Năm 2011, chị N khai thác số cây keo trên rồi tiếp tục trồng lại cây keo con. Năm 2014, hộ gia đình chị N làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang trồng keo và được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU443545, số vào sổ cấp GCN: CH00529 ngày 27/12/2014. Anh K cho rằng việc hộ gia đình chị N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình anh không ai hay biết và số tiền 20.000.000đ chị N đưa cho ông H là tiền cho thuê đất từ năm 2011 đến năm 2016 chứ không phải tiền ông N chuyển nhượng đất cho chị N. Tuy nhiên HĐXX xét thấy, hộ gia đình chị N sử dụng đất đang tranh chấp từ 2005 đến nay, đã thu hoạch 2 mùa keo, chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện hồ sơ xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình chị N vào năm 2014 là công khai, có lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất. Tại thời điểm này ông H vẫn còn sống và trong thời gian dài từ năm 2005 đến khi chị N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (năm 2014) ông H cũng không có ý kiến hay động thái gì để bảo vệ hay chứng minh quyền sử dụng đất diện tích đất tranh chấp. Đối với số tiền 20.000.000đ chị N cho rằng đã trả cho ông H tiền chuyển nhượng công khai hoang đối với diện tích đất tranh chấp, anh K cho rằng số tiền chị N trả 20.000.000đ này là tiền cho thuê đất đang tranh chấp. Nhưng cả anh K và chị N đều không có chứng cứ hợp pháp nào để chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N buộc vợ chồng anh Lê Văn K và chị Nguyễn Thị L trả lại cho chị Đinh Thị N diện tích đất đang tranh chấp là có căn cứ pháp luật.

[2.2] Đối với 5.000 cây keo con do anh K nhổ bỏ của chị N và anh Lê Văn Ố. Anh K thừa nhận vào tháng 9/2018 anh K có nhổ bỏ khoảng 5.000 cây keo do chị N và anh Ố trồng trên diện tích đất hai bên tranh chấp. Việc anh K tự ý nhổ bỏ cây keo do chị N và anh Ố trồng trên đất được cấp cho hộ chị N, không có sự đồng ý của chị N và anh Ố đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của chị N, anh Ố được pháp luật bảo vệ. Anh K là người có lỗi, do đó anh K phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi của mình gây ra. Căn cứ biên bản định giá tài sản ngày 10/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản thì anh K và chị N thống nhất số cây keo anh K nhổ bỏ là 5.000 cây, giá trị quy tiền là 5.000 cây x 500đ/cây = 2.500.000đ, công trồng cây là 6.287.000đ và công vận chuyển là 300.000đ. Tổng giá trị cây giống, công trồng, công vận chuyển là 9.087.000đ. Chị N yêu cầu Tòa giải quyết buộc anh K phải bồi thường thiệt hại cho chị N và anh Ố giá trị tài sản bị thiệt hại là 9.000.000đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 170, 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự, do đó cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu bồi thường của chị N là có cơ sở pháp luật.

[3] Từ những phân tích nói trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Lê Văn K. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Về chi phí tố tụng khác:

Chi phí định giá tại cấp sơ thẩm: Yêu cầu của chị Đinh Thị N được Hội đồng xét xử chấp nhận nên anh Lê Văn K phải chịu chi phí định giá tài sản là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Số tiền này chị Đinh Thị N đã nộp tạm ứng chi phí định giá xong nên anh K phải trả lại cho chị N 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

[5] Về án phí: Anh Lê Văn K thuộc hộ nghèo nên được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, cấp sơ thẩm buộc anh K phải chịu 300.000đ tiền án phí không có giá ngạch về tranh chấp đòi lại tài sản quyền sử dụng đất và 450.000đ tiền án phí có giá ngạch về tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản là không chính xác. Do đó, Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm về phần án phí.

[6] Phát biểu của đại diện VKSND tỉnh Bình Định tại phiên tòa về việc tuân thủ theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 và khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147, 165, 166 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 163, 166, 170, 186, 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100, Điều 166 Luật Đất đai năm 2013, khoản 2 Điều 26; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Lê Văn K.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị N.

- Buộc vợ chồng anh Lê Văn K, chị Nguyễn Thị L phải trả lại cho hộ chị Đinh Thị N 13.098m^2 đất thuộc thửa số 9, tờ bản đồ số TĐ01-2014, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU443545, cấp ngày 27/12/2014, tọa lạc tại thôn (làng) H, xã C, huyện V, Bình Định (Có bản đồ địa chính và công trình xây dựng trích đo diện tích đất kèm theo).

- Buộc anh Lê Văn K phải bồi thường thiệt hại cho chị Đinh Thị N và anh Lê Văn Ố số tiền là 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về chi phí tố tụng khác: Căn cứ khoản 01 Điều 165 và khoản 01 Điều 166 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh Lê Văn K phải trả lại cho chị Ngưa 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản.

4. Về án phí: Sửa án phí sơ thẩm. Anh Lê Văn K thuộc hộ nghèo nên được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Cơ quan THADS huyện Vân Canh;
- TAND huyện Vân Canh
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nghĩa